

Số: **1289** /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày **07** tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với
các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính Quy
định quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng
chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 221/TTr-STC ngày 30/6/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng
nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để
cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế quyết định số
2499/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tạo
lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng
Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các: Sở: Tài chính, Lao
động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Chính sách xã hội
tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Vnpti office;
- Lưu VT, CV(KTTH2).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1189 /QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn của ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với các đối tượng chính sách

1. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với nguồn vốn UBND tỉnh, huyện ủy thác qua NHCSXH cho vay được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác quy quy định tại khoản 1 điều 10 quy định này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp:

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính được UBND tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch được UBND cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 5. Lập dự toán và phân bổ nguồn vốn và phương thức chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác

1. Lập dự toán

a) Cấp tỉnh:

Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách địa phương, UBND cấp huyện tổng hợp nhu cầu vay vốn từ nguồn ủy thác của NSDP gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo kết quả quản lý, sử dụng, trích lập Quỹ năm trước, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm, số nợ gốc đã thu hồi trong 6 tháng đầu năm; số dự kiến thu hồi trong năm và năm kế hoạch; xây dựng dự toán kinh phí cấp bù chi phí quản lý (nếu có) gửi Sở Tài chính và Sở Lao động - TBXH trước ngày 10/7 hàng năm.

- Sở Lao động - TBXH chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định số lượng đối tượng có nhu cầu vay vốn (chi tiết theo từng đối tượng quy định tại Điều 6 của quy chế này), trên cơ sở tổng hợp nhu cầu vay vốn của UBND cấp huyện thống nhất với chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh gửi Sở Tài chính, trong đó có đề nghị bổ sung nguồn vốn ủy thác (nếu có) trước ngày 15/7 hàng năm.

b) Cấp huyện:

- Chi nhánh NHCSXH huyện báo cáo kết quả quản lý, sử dụng, trích lập Quỹ năm trước, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm, số nợ gốc đã thu hồi trong 6 tháng đầu năm; số dự kiến thu hồi trong năm và năm kế hoạch; xây dựng dự toán kinh phí cấp bù chi phí quản lý (nếu có) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Lao động - TBXH trước ngày 05/7 hàng năm.

- Phòng Lao động - TBXH chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định số lượng đối tượng có nhu cầu vay vốn (chi tiết theo từng đối tượng quy định tại Điều 6 của quy chế này), tổng hợp nhu cầu vay vốn ủy thác từ nguồn ngân sách cấp huyện, số dự kiến đề nghị bổ sung nguồn vốn ủy thác (nếu có).

2. Phân bổ nguồn vốn

a) Cấp tỉnh

Sở Lao động - TBXH chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét báo cáo HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH cho cấp huyện, bao gồm:

- Vốn ủy thác bổ sung trong năm (nếu có) theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Nguồn vốn ủy thác đã thu hồi.

b) Cấp huyện

Phòng Lao động - TBXH chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trình UBND cấp huyện xem xét báo cáo HĐND huyện phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH, bao gồm:

- Vốn ủy thác bổ sung trong năm (nếu có) theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Nguồn vốn ủy thác đã thu hồi.

3. Phương thức chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác

Căn cứ nguồn vốn ngân sách bổ sung hàng năm, quyết định phân bổ kế hoạch vốn vay từ NSDP được UBND cấp tỉnh, huyện phê duyệt, hợp đồng ủy thác, cơ quan tài chính chuyển tiền ủy thác qua NHCSXH bằng hình thức lệnh chi tiền và hạch toán chi ngân sách nhà nước như sau:

- Cấp tỉnh: Chương 560, loại 340, khoản 343, mục 8000, tiểu mục 8049

- Cấp huyện: Chương 760, loại 340, khoản 343, mục 8000, tiểu mục 8049

Điều 6. Đối tượng cho vay

1. Cá nhân đại diện cho hộ gia đình sản xuất nông lâm nghiệp có mức sống trung bình (theo tiêu chí Chính phủ quy định) vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Cá nhân của gia đình người có công với cách mạng vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ đối với từng đối tượng cụ thể và phù hợp với đối tượng vay vốn quy định tại Điều 6.

Điều 8. Quy trình thủ tục cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất tiền vay

1. Quy trình thủ tục cho vay:

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 6: Áp dụng theo quy định Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị NHCSXH quy định đối với hộ cận nghèo.

b) Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 6: Áp dụng theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị NHCSXH.

2. Điều kiện vay: Đối tượng vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phải đáp ứng các điều kiện cho vay của NHCSXH.

b) Không có dư nợ quá hạn tại NHCSXH.

c) Tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa đối với từng đối tượng theo quy định của Nhà nước. *2*

3. Mức cho vay:

a) Đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 6: Áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cho vay đối với hộ cận nghèo.

b) Đối với đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 6: Áp dụng theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị NHCSXH.

4. Thời hạn cho vay:

Thời hạn vay vốn căn cứ vào quy định của Chính phủ về thời hạn cho vay đối với từng đối tượng, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Lãi suất tiền vay: bằng lãi suất vay vốn của NHCSXH đối với hộ cận nghèo trong từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:


a) Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh) tại thời điểm trích lập dự phòng theo quy định của NHCSXH.

Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập = 15% tổng số vốn ngân sách cấp tỉnh, huyện ủy thác, thì không tiếp tục trích lập Quỹ dự phòng rủi ro và được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay là 0,4%/tháng tính trên dư nợ cho vay bình quân; Trường hợp số lãi thực thu sau khi trích dự phòng rủi ro không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH.

c) Trích 8% số tiền lãi thực thu cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, cụ thể:

- Đối với cấp tỉnh:

+ Trích 3% cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh để chi phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện. 

+ Trích 5% còn lại giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính để chi cho công tác quản lý, kiểm tra hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

- Đối với cấp huyện:

+ Trích 3% cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện để chi phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện.

+ Trích 5% còn lại giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch để chi cho công tác quản lý, kiểm tra hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

d) Phần còn lại được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Đối với kinh phí quản lý nguồn vốn ủy thác: Nội dung và mức chi theo quy định hiện hành của NHCSXH và pháp luật hiện hành.

b) Đối với kinh phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác, nội dung và định mức chi cụ thể như sau:

- Tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH: nội dung và mức chi theo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Chi tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH: nội dung và mức chi theo quy định của Bộ Tài chính về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu liên quan đến hoạt động ủy thác: mức chi theo thực tế phát sinh căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu.

- Chi kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH: nội dung và mức chi theo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn vay; người sử dụng hiệu quả vốn vay: Mức chi đối với tập thể là 02 (hai) lần mức lương cơ sở/năm, cá nhân là 01 (một) lần mức lương cơ sở/năm (vận dụng theo mức chi quy định tại Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm).

3. Trường hợp lãi suất cho vay không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan thì UBND các cấp phải cấp kinh phí bù đắp theo đúng quy định.

Điều 11. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro:

a) Các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng tại NHCSXH.

Giao cho Sở Tài chính/ Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện chủ trì phối hợp với chi nhánh NHCSXH tỉnh, huyện, Sở/ Phòng Lao động - TBXH xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể báo cáo UBND các cấp xem xét quyết định.

b) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro:

a) Giám đốc NHCSXH tỉnh, huyện lập kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ gửi Sở Tài chính/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh, huyện phê duyệt.

b) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc khoanh nợ và xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc khoanh nợ và xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý rủi ro:

a) Nguồn vốn để xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động TB&XH cấp tỉnh, cấp huyện, NHCSXH tỉnh, huyện, báo cáo UBND cấp tỉnh, cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện. ~~3~~

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

c) Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm: Giao cho NHCSXH tỉnh tiếp tục quản lý để xử lý rủi ro các khoản vay từ nguồn vốn tỉnh ủy thác theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo:

a) Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

b) Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - kế hoạch.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán:

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, huyện:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chuyển sang NHCSXH theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm và lập kế hoạch sử dụng vốn năm tiếp theo gửi cơ quan tài chính đồng cấp.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

d) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Hàng năm lập báo cáo quyết toán việc phân chia và sử dụng lãi thu được từ cho vay nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi cơ quan tài chính thẩm định, thời gian nộp báo cáo quyết toán chậm nhất là sau 45 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kỳ kế toán, cụ thể:

- NHCSXH tỉnh lập báo cáo quyết toán phần vốn ngân sách tỉnh ủy thác gửi Sở Tài chính thẩm định. ~~3~~

- NHCSXH huyện lập báo cáo quyết toán phân vốn ngân sách huyện ủy thác gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định.

e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12.

2. Sở Tài chính/ Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội/ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất với UBND cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Tham mưu cho UBND cấp tỉnh, huyện bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và ngân sách huyện ủy thác qua NHCSXH theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm; chuyên vốn đầy đủ, kịp thời theo kế hoạch tỉnh ủy thác cho NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH.

d) Thẩm định báo cáo quyết toán việc trích lập và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

3. Sở/ Phòng Lao động - TBXH phối hợp với Sở Tài chính/ Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp huyện, hàng năm xem xét bố trí kế hoạch vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện, thành phố.

b) Chỉ đạo các Phòng và Ban chỉ đạo giảm nghèo của huyện phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn; thực hiện đúng quy định tại Quy chế này.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã chấp hành đầy đủ các quy định về thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn, bình xét cho vay, xác nhận đối tượng vay vốn; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu lãi, nợ gốc tiền vay.

5. UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ì, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi... 3

6. Trách nhiệm của người vay

- a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
- c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 15. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn